

Số: 136 /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2024-2025

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ văn bản số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổng cục Dự trữ Nhà nước xuất cấp (không thu tiền) 35.140.262 kg gạo từ nguồn dự trữ quốc gia giao cho các tỉnh để hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2024-2025 theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn như phụ lục ban hành kèm quyết định này.

Điều 2. Tổng cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm:

1. Căn cứ số lượng gạo dự trữ quốc gia tại thời điểm xuất cấp và kế hoạch tiếp nhận gạo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, giao nhiệm vụ cho các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh tổ chức giao, nhận gạo tại trung tâm huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo kế hoạch phân bổ của Ủy ban nhân dân các tỉnh. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp địa phương điều chỉnh đề xuất số lượng gạo tiếp nhận trong học kỳ II thấp hơn số gạo Bộ Tài chính đã quyết định, thì cấp theo số lượng gạo đề nghị của địa phương; trường hợp địa phương đề xuất điều chỉnh số lượng gạo tiếp nhận

trong học kỳ II cao hơn số gạo Bộ Tài chính đã quyết định, thì cấp theo số lượng Bộ Tài chính đã quyết định và tổng hợp đề nghị bổ sung của địa phương, trình Bộ Tài chính xem xét xử lý theo quy định.

2. Tổ chức giao, nhận gạo dự trữ quốc gia bảo đảm theo đúng quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và văn bản hướng dẫn số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, đảm bảo việc tiếp nhận, phân loại, sử dụng gạo hỗ trợ đúng đối tượng, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ của năm học, không để thất thoát, tiêu cực trong quá trình tiếp nhận, phân phối, sử dụng gạo.

2. Chỉ đạo các đơn vị tiếp nhận gạo của địa phương vận chuyển gạo dự trữ quốc gia từ trung tâm huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đến các trường học hoặc địa điểm thích hợp để cấp phát cho các đối tượng theo đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, số liệu, căn cứ đề xuất sử dụng gạo dự trữ quốc gia để cấp cho địa phương thực hiện chính sách và báo cáo kết quả tiếp nhận gạo theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý giá, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (phối hợp);
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT (2b), TCĐT (55b) *AK*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Khăng



Phụ lục

XUẤT GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 136 /QĐ-BTC ngày 23 /01/2025 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Lượng (kg)

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số học sinh	Số gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II
TỔNG CỘNG		540.320	35.140.262
1	Điện Biên	56.350	3.284.325
2	Lai Châu	26.756	1.605.360
3	Sơn La	56.482	3.664.890
4	Hòa Bình	14.850	944.775
5	Hà Giang	68.858	5.164.350
6	Lào Cai	37.373	2.220.710
7	Yên Bái	26.579	1.993.425
8	Tuyên Quang	15.000	1.125.000
9	Phú Thọ	4.888	366.600
10	Bắc Giang	3.200	240.000
11	Lạng Sơn	24.685	1.481.100
12	Bắc Kạn	14.096	845.760
13	Cao Bằng	37.000	2.220.000
14	Thái Nguyên	3.100	232.500
15	Quảng Ninh	397	23.820
16	Thanh Hóa	9.977	598.620
17	Nghệ An	26.009	1.950.675
18	Quảng Trị	7.172	537.900
19	Quảng Bình	3.557	266.775
20	Thừa Thiên Huế	325	25.035
21	Quảng Nam	16.091	985.695
22	Quảng Ngãi	15.640	938.400
23	Bình Định	1.552	116.400
24	Ninh Thuận	3.400	204.000

2

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số học sinh	Số gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II
25	Bình Thuận	90	5.400
26	Phú Yên	700	52.500
27	Khánh Hòa	1.394	83.640
28	Gia Lai	10.171	610.260
29	Kon Tum	15.571	932.712
30	Lâm Đồng	2.020	121.200
31	Đắk Lắk	15.000	900.000
32	Đắk Nông	11.370	682.200
33	Bình Phước	2.100	126.000
34	Trà Vinh	168	10.080
35	Bến Tre	1.307	78.420
36	Vĩnh Long	183	13.725
37	Cà Mau	190	14.250
38	Sóc Trăng	4.708	353.100
39	Kiên Giang	1.961	117.660
40	Hậu Giang	50	3.000

Ghi chú: Đối với 25.035 kg gạo xuất cho tỉnh Thừa Thiên Huế đã bao gồm 1.080 kg bổ sung học kỳ I năm học 2024-2025 và 930 kg bổ sung học kỳ II năm học 2024-2025

Handwritten mark